

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2019
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đo Niê; Ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đàm Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:*

Bà S và ông Đàm Văn S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1994. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông S hay uống rượu và chửi bới bà S nhiều lần. Năm 2014 bà S đã nhờ ban tự quản thôn đứng ra hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Bà S và ông S đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Cho đến nay cuộc sống chung không thể đoàn tụ được, nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với ông S.

Bà S và ông S có hai con chung là Đàm Thị K, sinh năm 1995 và Đàm Quang Q, sinh năm 1999, hiện nay các con đã thành niên nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai bị đơn ông Đàm Văn S trình bày:*

Ông S và bà S kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Hiện nay mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng ông S nhận thấy mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, chưa đến mức phải ly hôn, nên không đồng ý ly hôn với bà S.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng liên quan, đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 7, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà S có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn, nên vợ chồng đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S, ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà S được ly hôn với anh ông S.

[3] Về con chung: Bà S và ông S có hai con chung là Đàm Thị K, sinh năm 1995 và Đàm Quang Q, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà S không yêu cầu Tòa án phân chia, nên HĐXX không xem xét. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nếu đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị S được ly hôn với ông Đàm Văn S.

2. Về án phí: Bà S chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006231 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- UBND xã T, K, Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Luu HS.

Võ Đức Hội